

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

- Nhận biết và đọc đúng vần *on, ôn, ơn*; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có vần *on, ôn, ơn*; hiểu và trả lời được các câu hỏi liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết đúng các vần *on, ôn, ơn*; viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần *on, ôn, ơn*.
- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa vần *on, ôn, ơn* có trong bài học.
- Phát triển ngôn ngữ nói theo chủ điểm *Rừng xanh vui nhộn* được gợi ý trong tranh; mở rộng vốn từ ngữ chỉ con vật, sự vật và tính chất, hoạt động của chúng (trong đó có một số từ ngữ chứa vần *on, ôn, ơn*).
- Phát triển kỹ năng quan sát, nhận biết sự vật (khung cảnh rừng xanh, một số con vật sống trong rừng) và suy đoán nội dung tranh minh hoạ (cảnh đẹp, vui nhộn của khu rừng vào buổi sáng).
- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên qua bức tranh sinh động về rừng, về muông thú trong rừng.

II CHUẨN BỊ

- Nắm vững đặc điểm phát âm; cấu tạo và cách viết các vần *on, ôn, ơn*.
- Hiểu rõ nghĩa của một số từ ngữ trong bài học, như: *véo von, lôn khôn, vè, vô tư, Trư, nhờn nhờ,...* *Véo von*: (âm thanh) cao, trong trẻo, lên xuống nhịp nhàng, nghe êm tai. *Lôn khôn*: trường thành về suy nghĩ. *Vè*: Bài văn vắn kể câu chuyện được lưu truyền trong dân gian, thường là kể chuyện người thật việc thật để ca ngợi hay phê phán, châm biếm. *Vô tư*: không lo nghĩ gì. *Trư*: Trư Bát Giới (một nhân vật trong truyện *Tây du kí*, có hình hài to béo,...).
- Với địa phương Nam Bộ, chú ý lỗi chính tả (lẫn lộn *on/ ong*) do phát âm phương ngữ.
- *Nón lá*: một loại nón đội đầu truyền thống của người Việt Nam, thường làm bằng lá cọ, có hình chóp nhọn, dùng để che nắng, che mưa,... Ngày nay, nón lá được xem là món quà đặc biệt cho du khách nước ngoài khi đến tham quan Việt Nam.
- *Chim sơn ca*: loài chim có kích thước bé bằng chim sẻ, hót rất hay, thường sống trên những cánh đồng lúa, ăn sâu bọ, có ích cho nhà nông.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn và khởi động

Ôn lại những vần vừa học trong bài trước (*an, ăn, ân*) và tạo tâm thế cho giờ học (Gợi ý: HS thi tìm tiếng/ từ có vần *an, ăn, ân*).

2. Nhận biết

- HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi *Em thấy gì trong tranh?* Một số HS (2 - 3) HS trả lời. GV thuyết minh ngắn gọn nội dung tranh. (Gợi ý: Một nhóm sơn ca đang hát trên cành cây. Sơn ca hát: *Mẹ ơi, con đã lôn khôn*. Nhóm khác đang tập viết,...)
- GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo. GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. GV đọc từng cụm từ, sau mỗi

cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: *Sơn ca véo von:/ Mẹ ơi,/ con đã lớn khôn.*

– GV giới thiệu các vần mới *on, ôn, ơn*. Viết tên bài lên bảng.

3. Đọc

a. Đọc vần

– So sánh các vần

+ GV giới thiệu vần *on, ôn, ơn*.

+ Một số (2 – 3) HS so sánh vần *ôn, ơn* với *on* để tìm ra điểm giống và khác nhau. GV nhắc lại điểm giống và khác nhau giữa các vần.

– Đánh vần các vần

+ GV đánh vần mẫu các vần *on, ôn, ơn*.

+ Một số (4 – 5) HS nối tiếp nhau đánh vần. Mỗi HS đánh vần cả 3 vần.

+ Lớp đánh vần đồng thanh 3 vần một lần.

– Đọc trơn các vần

+ Một số (4 – 5) HS nối tiếp nhau đọc trơn vần. Mỗi HS đọc trơn cả 3 vần.

+ Lớp đọc trơn đồng thanh 3 vần một lần.

– Ghép chữ cái tạo vần

+ HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần *on*.

+ HS tháo chữ *o*, ghép *ô* vào để tạo thành *ôn*.

+ HS tháo chữ *ô*, ghép *ơ* vào để tạo thành *ơn*.

– Lớp đọc đồng thanh *on, ôn, ơn* một số lần.

b. Đọc tiếng

– Đọc tiếng mẫu

+ GV giới thiệu mô hình tiếng *con*. GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng *con*.

+ Một số (4 – 5) HS đánh vần tiếng *con* (*cờ – on – con*). Lớp đánh vần đồng thanh tiếng *con*.

+ Một số (4 – 5) HS đọc trơn tiếng *con*. Lớp đọc trơn đồng thanh tiếng *con*.

– Đọc tiếng trong SHS

+ Đánh vần tiếng. GV đưa các tiếng có trong SHS. Mỗi HS đánh vần một tiếng nối tiếp nhau (số HS đánh vần tương ứng với số tiếng). Lớp đánh vần mỗi tiếng một lần.

+ Đọc trơn tiếng. Mỗi HS đọc trơn một tiếng nối tiếp nhau, hai lượt.

+ Mỗi HS đọc trơn các tiếng chứa một vần. Lớp đọc trơn đồng thanh một lần tất cả các tiếng.

- Ghép chữ cái tạo tiếng
- + HS tự tạo các tiếng có chứa vần *on, ôn* hoặc *ơn*. GV yêu cầu 1 – 2 HS phân tích tiếng, 1 – 2 HS nêu lại cách ghép.
- + Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.

c. Đọc từ ngữ

- GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: *nón lá, con chồn, sơn ca*. Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn *nón lá*, GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh. GV cho từ ngữ *nón lá* xuất hiện dưới tranh. HS nhận biết tiếng chứa vần *on* trong *nón lá*, phân tích và đánh vần tiếng *nón*, đọc trơn từ ngữ *nón lá*. GV thực hiện các bước tương tự đối với *con chồn, sơn ca*.
- HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 – 4 lượt HS đọc. 2 – 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.

d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ

Từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.

4. Viết bảng

- GV đưa mẫu chữ viết các vần *on, ôn, ơn*.
- GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các vần *on, ôn, ơn*.
- HS viết 3 vần *on, ôn, ơn* và *con, chồn, sơn* (chữ cỡ vừa). HS có thể chỉ viết hai vần *ôn* và *ơn* vì trong *ôn* đã có *on*. Chú ý liên kết giữa nét cong kín trong chữ *o, ô, ơ* với nét móc trong chữ *n*.
- HS nhận xét bài của bạn.
- GV nhận xét, đánh giá và sửa lỗi chữ viết cho HS.

5. Viết vở

- HS viết vào vở *Tập viết 1, tập một* các vần *on, ôn, ơn*; các từ ngữ *con chồn, sơn ca*.
- GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.
- GV nhận xét và sửa bài của một số HS.

6. Đọc đoạn

- GV đọc mẫu cả đoạn *Bốn chú lợn con*.
- HS đọc thầm và tìm các tiếng có vần *on, ôn, ơn*.
- Một số (4 – 5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗi HS đọc một hoặc tất cả các tiếng (với lớp đọc yếu, GV cho HS đánh vần tiếng rồi mới đọc). Từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh (một số lần) những tiếng có vần *on, ôn, ơn* trong đoạn văn.
- Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp (mỗi HS đọc 2 câu/ 2 dòng), khoảng 1 – 2 lần. Sau đó từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh một lần.

- Một số (2 – 3) HS đọc thành tiếng cả đoạn.
- HS trả lời câu hỏi về nội dung bài về: *Có mấy chú lợn con được kể trong bài về (bốn chú)? Những từ ngữ nào nói lên đặc điểm của các chú lợn con (vô tư, no tròn)? Theo em, các chú lợn con có đáng yêu không? Vì sao (các chú rất đáng yêu vì vui vẻ, béo tròn,...)?...*
- GV và HS thống nhất câu trả lời.

7. Nói theo tranh

- HS quan sát tranh trong SHS. GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời các câu hỏi: *Bức tranh vẽ cảnh ở đâu? Cảnh buổi sáng hay buổi chiều? Dựa vào đâu mà em biết? Có những con vật nào trong khu rừng? Các con vật đang làm gì? Mặt trời có hình gì? Khung cảnh khu rừng vào buổi sáng như thế nào?...*
- Một số (2 – 3) HS trả lời những câu hỏi trên. (Gợi ý: *Bức tranh vẽ cảnh ở rừng, vào buổi sáng. Vì có hình ảnh mặt trời chiếu rọi. Có những con vật: chồn, gấu, lợn, sóc, thỏ, khỉ. Các con vật đứng thành vòng tròn, cầm tay nhau nhảy múa. Khi một tay đu cành cây, một tay bắt bướm. Chim và bướm đang bay lượn. Mặt trời có hình tròn. Khung cảnh khu rừng vào buổi sáng thật vui nhộn.*)
- GV có thể mở rộng giúp HS có ý thức bảo vệ rừng, bảo vệ động vật, giữ gìn tài nguyên môi trường của đất nước.

8. Củng cố

- HS tìm một số từ ngữ có chứa vần *on, ôn, ơn* và đặt câu với những từ ngữ tìm được.
- GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.
- Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà.